

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

THÔNG CÁO BÁO CHÍ VỀ TÌNH HÌNH GIÁ THÁNG SÁU, QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

PHẦN I: TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ TIÊU DÙNG

Giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng theo giá thế giới; giá điện, nước sinh hoạt tăng theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2021 tăng 0,19% so với tháng trước, tăng 1,62% so với tháng 12/2020 và tăng 2,41% so với tháng 6/2020. Bình quân 6 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016¹; lạm phát cơ bản 6 tháng tăng 0,87%.

I. Tổng quan thị trường giá cả tháng 6/2021

So với tháng trước, CPI tháng 6/2021 tăng 0,19% (khu vực thành thị tăng 0,22%; khu vực nông thôn tăng 0,15%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính tháng Sáu có 8 nhóm tăng giá so với tháng trước, 2 nhóm giảm giá, riêng nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giữ giá ổn định.

Trong 8 nhóm hàng tăng giá, nhóm giao thông có mức tăng so với tháng trước cao nhất với 1,07% (làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm) do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu vào ngày 12/5/2021; 11/6/2021 và 26/6/2021, trong đó giá xăng E5 tăng 1.340 đồng/lít so với tháng trước, giá xăng A95 tăng 1.380 đồng/lít, giá dầu diezen tăng 1.340 đồng/lít. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,63% so với tháng trước (làm CPI chung tăng 0,12 điểm phần trăm), chủ yếu do các đợt nắng nóng trong tháng làm chỉ số giá điện, nước sinh hoạt lần lượt tăng 1% và tăng 0,26%, bên cạnh đó giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,26% theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào²; giá gas tăng 3,85% do giá gas trong nước điều chỉnh tăng 14.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 42,5 USD/tấn (từ mức 485 USD/tấn lên mức 527,5 USD/tấn). Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,11% so với tháng trước chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát trong mùa hè tăng cao. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,1% do giá các sản phẩm sử dụng nhiều vào dịp hè như tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, quạt điện tăng. Nhóm giáo dục tăng 0,03%, trong đó giá văn phòng phẩm tăng 0,2%. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02% do giá thuốc các loại tăng 0,05%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,06%, tập trung ở nhóm đồ trang sức tăng 1,27%.

¹ Tốc độ tăng CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 1,72%; tăng 4,15%; tăng 3,29%; tăng 2,64%; tăng 4,19%; tăng 1,47%.

² Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho xây dựng, sản phẩm nguyên liệu từ gang, sắt, thép tháng 6/2021 tăng 3,78% so với tháng trước và tăng 15,28% so với tháng 6/2020, bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 9,61% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng tiêu dùng của mặt hàng sắt thép chiếm 19,58% trong tổng chi tiêu dùng của nhóm hàng vật liệu bảo dưỡng nhà ở và chiếm 0,4% trong tổng chi tiêu dùng của dân cư, theo đó giá sắt thép tháng 6/2021 tăng so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,017 điểm phần trăm.

Trong 2 nhóm hàng giảm giá, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 6/2021 giảm 0,13% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm) do giá lương thực, thực phẩm giảm khi nguồn cung dồi dào. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 giảm 0,08% do du lịch trọn gói giảm 0,05%; giá cây, hoa cảnh giảm 2,91%.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 6/2021 tăng 2,41%. Trong 11 nhóm hàng chính có 8 nhóm tăng giá và 3 nhóm giảm giá. Nhóm giao thông tăng cao nhất 15,54% so với tháng 6/2020, chủ yếu do từ tháng 7/2020 đến nay giá xăng A95 tăng 5.940 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 5.510 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 4.000 đồng/lít. Ở chiều ngược lại, trong nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhóm thực phẩm tháng 6/2021 giảm 2,01% do cùng thời điểm này năm 2020, giá thịt lợn ở mức cao vì nguồn cung thiếu khi chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi. Nhóm bưu chính, viễn thông có chỉ số giá giảm 0,82% do giá các loại điện thoại giảm.

So với tháng 12/2020, CPI tháng Sáu tăng 1,62%, trong đó có 9 nhóm hàng tăng giá và 2 nhóm hàng giảm giá (Nhóm bưu chính, viễn thông và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm lần lượt 0,54% và 0,25%). Nhóm giao thông tháng 6/2021 tăng cao nhất với 9,14% do giá xăng, dầu trong nước từ đầu năm đến nay đã điều chỉnh 10 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 4.440 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 4.250 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 3.740 đồng/lít.

II. Diễn biến giá tiêu dùng tháng 6/2021 của một số nhóm hàng chính

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,13%)

1.1. Lương thực (-0,28%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 6/2021 giảm 0,28% so với tháng trước, chủ yếu do giá gạo giảm 0,36% (gạo tẻ thường giảm 0,35%; gạo tẻ ngon giảm 0,4%; gạo nếp giảm 0,39%). Giá gạo trong nước giảm do các địa phương trên cả nước cơ bản đã thu hoạch xong lúa vụ đông xuân³. Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 11.600-12.500 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 17.600-18.500 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 17.900-19.300 đồng/kg; giá gạo nếp từ 24.700-34.800 đồng/kg. Bên cạnh đó, giá bột mì tháng Sáu giảm 0,01%; giá ngô giảm 1,79%; giá khoai giảm 2,09% so với tháng trước.

1.2. Thực phẩm (-0,19%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 6/2021 giảm 0,19% so với tháng trước, tập trung ở một số mặt hàng sau:

- Giá thịt lợn giảm 2% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,07 điểm phần trăm). Giá thịt lợn giảm do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, nhiều nhà hàng, quán ăn, trường học phải đóng cửa làm cho mức tiêu thụ mặt hàng thịt lợn giảm trong khi nguồn cung thịt lợn tăng⁴. Theo đó, giá thịt quay, giò, chả tháng Sáu giảm 0,48% so với tháng trước; thịt chế biến khác giảm 0,01%; mỡ động vật giảm 3,62%.

³ Năng suất gieo trồng lúa đông xuân năm nay đạt 68,3 tạ/ha, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng ước tính đạt 20,55 triệu tấn, tăng 3,4%.

⁴ Ước tính tổng số lợn của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 6/2021 tăng 11,6% so với cùng thời điểm năm 2020.

- Giá thịt gà giảm 0,03% so với tháng trước do nguồn cung dồi dào. Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 6/2021 tăng 5,4% so với cùng thời điểm năm 2020.

- Giá thủy sản tươi sống giảm 0,31% so với tháng trước, trong đó giá cá giảm 0,02%; giá tôm giảm 0,92%.

- Giá quả tươi và chế biến giảm 3% so với tháng trước do nguồn cung tăng khi bước vào mùa thu hoạch, trong khi xuất khẩu trái cây gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và lượng khách du lịch giảm mạnh ảnh hưởng tới tiêu thụ trái cây thông qua du lịch. Theo đó, giá chuối giảm 2,02% so với tháng trước; xoài giảm 6,75%; quả tươi khác giảm 3,93%.

Riêng giá các loại rau tươi, khô và chế biến tăng 3,69% do nhu cầu tiêu dùng tăng khi thời tiết nắng nóng kéo dài và do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên việc vận chuyển hàng hóa khó khăn, nguồn rau về chợ giảm tại một số địa phương đã đẩy giá rau tăng so với tháng trước. Theo đó, giá rau bắp cải tăng 10,76% so với tháng trước; cà chua tăng 16,98%; đỗ quả tươi tăng 10,84%; rau dạng củ quả tăng 3,2%; rau tươi khác tăng 3,01%...

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,07%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 6/2021 tăng 0,07% so với tháng trước, trong đó giá ăn ngoài gia đình tăng 0,03%; giá uống ngoài gia đình tăng 0,52% do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu mua đồ uống tăng cao; giá đồ ăn nhanh mang đi giảm 0,07%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,11%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 6/2021 tăng 0,11% so với tháng trước do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng nước uống giải khát tăng, cụ thể: Giá nước khoáng và nước có ga tăng 0,07%; bia các loại tăng 0,03%.

3. Nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,63%)

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 6/2021 tăng 0,63% so với tháng trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá điện sinh hoạt tăng 1% so với tháng trước⁵, giá nước sinh hoạt tăng 0,26% do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu sử dụng tăng.

- Giá dầu hỏa tăng 4,95% so với tháng 5/2021 do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá ngày 12/5/2021; 11/6/2021 và 26/6/2021 làm giá dầu hỏa tăng 1.230 đồng/lít so với tháng trước.

- Giá gas tăng 3,85% so với tháng trước do từ ngày 01/6/2021, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 14.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 42,5 USD/tấn (từ mức 485 USD/tấn lên mức 527,5 USD/tấn).

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,26% so với tháng trước do giá thép, giá cát, giá xi măng tăng khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,12% do nhu cầu sửa chữa nhà tại một số địa phương tăng.

⁵ Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 6/2021 được tính dựa trên doanh thu và sản lượng điện tiêu dùng từ ngày 01-31/5/2021, do đó phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác.

4. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,1%)

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 6/2021 tăng 0,1% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng có nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào mùa hè: Giá tủ lạnh tăng 0,18% so với tháng trước; quạt điện tăng 0,42%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,29%; sửa chữa máy điều hòa tăng 0,7%... Ở chiều ngược lại, giá bàn là điện giảm 0,64% so với tháng trước; máy đánh trứng, trộn đa năng giảm 0,31%.

5. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,02%)

Chỉ số giá thuốc và dịch vụ y tế tháng Sáu tăng nhẹ 0,02% so với tháng trước, chủ yếu do thời tiết nắng nóng, người dân dễ mắc bệnh hô hấp và cảm cúm nên nhu cầu mua các loại thuốc tăng cường hệ miễn dịch tăng, trong đó giá nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt tăng 0,12% so với tháng trước; nhóm thuốc tác dụng trên đường hô hấp tăng 0,04%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,06%; thuốc chống dị ứng tăng 0,03%.

6. Giao thông (+1,07%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 6/2021 tăng 1,07% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới, cụ thể giá xăng tăng 3,45%, dầu diesel tăng 4,71% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá vào ngày 12/5/2021; 11/6/2021 và 26/6/2021. Ở chiều ngược lại, giá vận tải hành khách bằng đường hàng không trong tháng giảm 17,47% so với tháng trước do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên người dân hạn chế đi lại.

7. Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,08%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng Sáu giảm 0,08% so với tháng trước, chủ yếu do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương nên người dân hạn chế đi du lịch, đặc biệt du lịch theo tour làm cho giá dịch vụ du lịch trọn gói tháng 6/2021 giảm 0,05% so với tháng trước. Bên cạnh đó, thời tiết thuận lợi, đang rộ mùa khiến giá hoa tươi giảm mạnh, cụ thể giá nhóm cây, hoa cảnh giảm 2,91% so với tháng trước.

8. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,06%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 6/2021 tăng 0,06% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ dùng cá nhân như đồ trang sức tăng 1,27% so với tháng trước do giá vàng trong nước tăng; hàng hóa chăm sóc cơ thể tăng 0,19%.

9. Chỉ số giá vàng (+1,12%)

Giá vàng trong nước biến động trái chiều với giá vàng thế giới. Giá vàng thế giới giảm sau khi Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đưa ra thông tin có khả năng điều chỉnh lãi suất sớm hơn trong năm 2023 thay vì tăng từ năm 2024. Tính đến ngày 25/6/2021, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.845,63 USD/ounce, giảm 0,67% so với tháng 5/2021. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 6/2021 tăng 1,12% so với tháng trước; tăng 0,23% so với tháng 12/2020 và tăng 12,37% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 18,06%.

10. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,3%)

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới tiếp tục đà phục hồi sau khi FED phát đi tín hiệu sẽ sớm thực hiện việc điều chỉnh chính sách tiền tệ nới lỏng. Tính đến ngày 25/6/2021, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 90,81 điểm, tăng 0,58 điểm so với tháng trước. Trong nước, lượng dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bảo đảm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp nhập khẩu, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 23.129 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6/2021 giảm 0,3% so với tháng trước; giảm 0,32% so với tháng 12/2020 và giảm 0,87% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 6 tháng đầu năm 2021 giảm 0,85%.

III. Diễn biến giá tiêu dùng quý II năm 2021

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý II năm 2021 tăng 2,67% so với cùng kỳ năm 2020.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong quý II năm 2021

- Giá xăng, dầu trong nước tăng 51,37% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm CPI chung tăng 1,85 điểm phần trăm.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, giá gas quý II/2021 tăng 26,18% so với cùng kỳ năm trước làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục quý II tăng 4,44% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, góp phần làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,26% so cùng kỳ năm trước (làm CPI tăng 0,15 điểm phần trăm) do giá thép tăng khi giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất thép tăng cao.

- Chỉ số giá nhóm lương thực tăng 4,33% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá gạo tăng 5,41%, góp phần làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong quý II năm 2021

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI, có một số nguyên nhân làm giảm CPI quý II/2021 so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Giá thịt gà, thịt lợn và giá mỡ ăn quý II/2021 lần lượt giảm 0,27%; 8,56%; và 15,75% so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung dồi dào.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho giá vé máy bay quý II/2021 giảm 9,12% so với cùng kỳ năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 1,68%.

IV. Diễn biến giá tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2021

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng bình quân 6 tháng thấp nhất kể từ năm 2016.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong 6 tháng đầu năm 2021

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh 10 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 4.440 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 4.250 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 3.740 đồng/lít. So với cùng kỳ năm trước, giá xăng dầu trong nước bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 17,01%, làm CPI chung tăng 0,61 điểm phần trăm.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới. Trong 6 tháng đầu năm 2021, giá bán lẻ gas trong nước được điều chỉnh tăng 4 đợt và giảm 2 đợt, bình quân 6 tháng giá gas tăng 16,51% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục 6 tháng tăng 4,47% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

- Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon trong dịp Tết Nguyên đán tăng cao làm cho giá gạo 6 tháng đầu năm 2021 tăng 6,97% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm).

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở 6 tháng đầu năm nay tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, góp phần làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong 6 tháng đầu năm 2021

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI, có một số nguyên nhân làm giảm CPI 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Giá các mặt hàng thực phẩm 6 tháng đầu năm giảm 0,39% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,08 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn giảm 4,15%, giá thịt gà giảm 2,04%.

- Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19, trong đó gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II (bắt đầu giảm từ tháng 5/2020) và quý IV năm 2020 (được thực hiện vào tháng 1/2021). Theo đó, giá điện sinh hoạt bình quân 6 tháng đầu năm 2021 giảm 3,06% so với cùng kỳ năm 2020, tác động làm CPI chung giảm 0,1 điểm phần trăm.

- Ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến người dân hạn chế đi lại, theo đó giá vé tàu hỏa 6 tháng đầu năm giảm 3,41% so với cùng kỳ năm trước; giá vé máy bay giảm 17,05%; giá du lịch trọn gói giảm 2,85%.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành các cấp đã tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường.

V. Lạm phát cơ bản

Lạm phát cơ bản⁶ tháng 6/2021 tăng 0,07% so với tháng trước, tăng 1,14% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,87% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,47%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, giá xăng, dầu và giá gas tăng. Mức lạm phát cơ bản tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm trước đều là mức thấp nhất kể từ năm 2011.

⁶ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

PHẦN II: CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU DÙNG CHO SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phục hồi khi các quốc gia đẩy mạnh chương trình tiêm chủng vắc-xin phòng chống dịch Covid-19, đồng thời triển khai các gói kích thích tăng trưởng kinh tế; Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các nước đồng minh tiếp tục duy trì mức sản lượng khai thác dầu dưới mức nhu cầu sử dụng của thế giới là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá sản xuất hàng hóa và dịch vụ, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2021 đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ giá thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm giảm 0,99% so với cùng kỳ năm 2020 phản ánh giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra nước ngoài không thuận lợi so với giá nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam.

I. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý II/2021 tăng 0,24% so với quý I/2021 và tăng 3,87% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,23% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 5,63%; lâm nghiệp tăng 0,3%; thủy sản tăng 0,48%.

1. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp quý II/2021 tăng 0,18% so với quý trước và tăng 4,47% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó sản phẩm từ cây hàng năm tăng 0,37% và tăng 5,06%; sản phẩm từ cây lâu năm tăng 3,14% và tăng 10,19%; sản phẩm từ chăn nuôi giảm 2,36% và giảm 0,06%; dịch vụ nông nghiệp tăng 0,62% và tăng 1,43%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 5,63% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Chỉ số giá sản phẩm từ cây hàng năm 6 tháng đầu năm tăng 5,94% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do lo ngại dịch Covid-19 có thể kéo dài nên nhu cầu tiêu dùng, dự trữ gạo trong nước và nhu cầu nhập khẩu gạo của các nước tăng làm giá thóc tăng 7,56%. Bên cạnh đó, giá sản phẩm ngô và cây lương thực có hạt khác tăng 4,6% do nhu cầu ngô hạt khô làm thức ăn gia súc tăng trong khi nguồn cung giảm do hết vụ thu hoạch.

Chỉ số giá sản phẩm từ cây lâu năm 6 tháng tăng 7,04% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá hồ tiêu tăng cao 39,85% theo giá thế giới, đồng thời Trung Quốc đẩy mạnh nhu cầu mua hồ tiêu của Việt Nam trong khi nguồn cung trong nước hạn chế do giá hồ tiêu giảm thấp trong những năm trước đây⁷ làm nhiều hộ phải chặt bỏ cây hồ tiêu chuyển đổi sang cây trồng khác. Giá cao su mủ khô tăng 14,82% do đang đầu vụ nên sản phẩm cao su thu hoạch chưa nhiều, bên cạnh đó nhu cầu cao su làm

⁷ Giá hồ tiêu các năm 2018-2020 so với năm trước: Năm 2018 giảm 40,6%; năm 2019 giảm 22,39%; năm 2020 giảm 4,29%.

nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất tăng cao khi một số nền kinh tế đang phục hồi nhanh, đặc biệt là Trung Quốc - thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới làm giá cao su tăng mạnh. Ở chiều ngược lại, giá sản phẩm cây ăn quả 6 tháng đầu năm giảm 0,15% so với cùng kỳ năm trước do đang vào vụ thu hoạch các sản phẩm trái cây như xoài, bơ, thanh long... nhưng tiêu thụ tại một số địa phương gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19, đồng thời hạn chế hoạt động du lịch, nhà hàng cũng làm cho giá bán giảm.

Chỉ số giá sản phẩm từ chăn nuôi 6 tháng đầu năm nay tăng 4,87% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá sản phẩm chăn nuôi lợn tăng 9,56%, chủ yếu do mặt bằng giá các loại lợn giống ở mức cao so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, giá lợn hơi vẫn tiếp tục giảm do dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát tốt, các địa phương thực hiện tái đàn, đồng thời việc cạnh tranh với nguồn thịt lợn nhập khẩu cũng làm giảm giá lợn hơi trong nước. Giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm 6 tháng đầu năm giảm 3,46% so với cùng kỳ năm 2020 do nguồn cung dồi dào, trong đó giá gà giảm 4,13%.

2. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp quý II/2021 tăng 0,55% so với quý trước và tăng 0,73% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản phẩm trồng rừng và chăm sóc rừng tăng 0,28% và tăng 0,37%; khai thác gỗ và lâm sản khác tăng 0,67% và tăng 0,82%; lâm sản thu nhặt tăng 0,82% và tăng 4,63%; dịch vụ lâm nghiệp giảm 0,95% và giảm 1,95%.

Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó chỉ số giá sản phẩm trồng rừng và chăm sóc rừng tăng 0,23%; khai thác gỗ và lâm sản khác tăng 0,27%; lâm sản thu nhặt tăng 4,58%; riêng chỉ số giá dịch vụ lâm nghiệp giảm 1%. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp tăng chủ yếu do đang vào mùa trồng rừng tập trung nhất trong năm, thêm vào đó nhu cầu gỗ xây dựng, gỗ cho sản xuất và xuất khẩu tăng cao trong khi các địa phương tăng cường quản lý chặt chẽ việc khai thác gỗ tại các cửa rừng, các cửa khẩu đóng cửa để phòng dịch Covid-19 khiến sản lượng khai thác giảm.

3. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản quý II/2021 tăng 0,41% so với quý trước và tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá nhóm sản phẩm thủy sản khai thác giảm 1,14% và tăng 2,32%; nhóm thủy sản nuôi trồng tăng 1,35% và tăng 2,45%. Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản tăng 0,48% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá nhóm thủy sản khai thác tăng 1,22%; giá nhóm thủy sản nuôi trồng tăng 0,03%.

Trong nhóm thủy sản nuôi trồng, chỉ số giá sản phẩm tôm nuôi nước lợ 6 tháng tăng 2,82% so với cùng kỳ năm trước do chi phí đầu vào nuôi tôm như giá thức ăn, giá thuốc thủy sản tăng, đồng thời các vùng nuôi tôm chuẩn bị vào mùa nuôi mới, nguồn nguyên liệu tôm thu mua cho các nhà máy chế biến khan hiếm. Trong nhóm thủy sản khai thác, chỉ số giá sản phẩm thủy sản khai thác biển 6 tháng tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do chi phí nguyên vật liệu đầu vào phục vụ khai thác biển như giá xăng dầu, chi phí thuê nhân công tăng cao.

II. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý II/2021 tăng 1,4% so với quý trước và tăng 3,39% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm nay, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 1,82% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 9,98%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,64%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 0,52%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,54%.

1. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng quý II/2021 tăng 4,97% so với quý trước và tăng 25,01% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 9,98% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá dầu thô và khí đốt tự nhiên bình quân 6 tháng tăng 20,32% so với cùng kỳ năm trước do giá dầu thế giới tăng cao khi hoạt động sản xuất tại các quốc gia đang dần phục hồi và OPEC+ tiếp tục duy trì khai thác sản lượng dầu dưới mức nhu cầu sử dụng của thị trường thế giới; chỉ số giá nhóm quặng kim loại và tinh quặng kim loại 6 tháng đầu năm tăng 5,28% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của giá thế giới.

2. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo quý II/2021 tăng 1,14% so với quý trước và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,64% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do: Chỉ số giá thực phẩm chế biến tăng 2,66% do chi phí đầu vào sản xuất các loại thực phẩm chế biến tăng như giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng thời gian qua; chi phí vận chuyển nguyên nhiên vật liệu đầu vào sản xuất các loại thực phẩm chế biến tăng do ảnh hưởng dịch Covid-19. Chỉ số giá than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 22,78% do nhu cầu sử dụng nhiên liệu, xăng dầu trên thế giới tăng mạnh trong quá trình phục hồi kinh tế đã tác động đến giá nhiên liệu, xăng dầu thành phẩm trong nước tăng. Chỉ số giá sản phẩm kim loại tăng 11,78%, nguyên nhân do giá sản phẩm sắt, thép tăng từ đầu năm 2021 theo giá thế giới; nguồn cung sắt, thép toàn cầu giảm do Trung Quốc giảm sản lượng sản xuất. Trong nước, hoạt động xây dựng khởi sắc, các công trình xây dựng đẩy nhanh tiến độ triển khai, đồng thời các doanh nghiệp tăng cường mua sản phẩm sắt, thép để phòng giá tăng ảnh hưởng đến chi phí xây dựng công trình.

3. Chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí

Chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí quý II/2021 tăng 2,79% so với quý trước và tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng, chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 0,52% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý II/2021 xuất hiện các đợt nắng nóng gay gắt trên phạm vi cả nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã huy động tối đa nguồn cung từ các nhà máy điện, đồng thời nắng nóng cũng làm chỉ số giá nhóm dịch vụ truyền tải điện và phân phối điện tăng.

4. Chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải

Chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải quý II/2021 tăng 0,82% so với quý trước và tăng 1,53% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,54% so với cùng kỳ năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do một số địa phương điều chỉnh giá nước sinh hoạt, giá dịch vụ thu gom rác thải, cùng với đó nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tăng cao trong mùa nắng nóng.

III. Chỉ số giá sản xuất dịch vụ

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý II/2021 tăng 0,01% so với quý trước và tăng 2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 0,89% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 0,21%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,66%; thông tin và truyền thông giảm 0,59%; giáo dục và đào tạo tăng 3,23%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 0,33%; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 0,48%.

1. Chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi

Chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi quý II/2021 giảm 0,38% so với quý trước chủ yếu do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, một số địa phương thực hiện giãn cách xã hội, người dân hạn chế đi lại và du lịch làm giá dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ giảm 0,42%. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi quý II tăng 3,09%, trong đó nhóm dịch vụ vận tải đường hàng không tăng cao nhất 23,65% do cùng kỳ năm trước giá xăng dầu trong nước giảm sâu theo giá nhiên liệu thế giới và ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 làm nhu cầu đi lại của người dân giảm; chỉ số giá dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hỗ trợ vận tải tăng 1,13% do từ quý IV/2020 xảy ra hiện tượng khan hiếm công-ten-nơ rỗng tại các cảng biển, thiếu tàu biển, trong khi nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy tăng cao đẩy giá vận tải đường thủy tăng so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 0,21% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ chỉ tăng nhẹ 0,01% (dịch vụ vận tải đường bộ và xe buýt tăng 0,3% theo giá xăng dầu; dịch vụ vận tải đường sắt giảm 2,64%). Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường thủy tăng 2,99%, trong đó giá dịch vụ vận tải đường ven biển và viễn dương tăng 3,22% do ảnh hưởng của việc thiếu hụt công-ten-nơ rỗng, tình trạng tàu Ever Given mắc kẹt tại kênh đào Suy-ê, cùng với nhu cầu vận tải hàng hóa bằng đường biển tăng cao nên giá cước vận tải biển tăng. Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường hàng không tăng 1,12% do cùng kỳ năm trước giá xăng, dầu trong nước giảm sâu theo giá nhiên liệu thế giới, bên cạnh đó tháng 4/2020, triển khai Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 nên nhu cầu đi lại của người dân giảm mạnh trong thời gian giãn cách xã hội. Chỉ số giá dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hỗ trợ vận tải 6 tháng đầu năm tăng 0,62% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ bưu chính và chuyển phát tăng 0,57%.

2. Chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống

Chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống quý II/2021 tăng 0,22% so với quý trước, tăng 1,27% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ lưu trú giảm 1,26% và giảm 5,21%; dịch vụ ăn uống tăng 0,47% và tăng 2,39%. Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,66% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá dịch vụ lưu trú giảm 6,45% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 bùng phát trở lại ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn tới tình trạng khách du lịch hoãn, hủy tour, hủy phòng tại các cơ sở lưu trú, do đó các cơ sở kinh doanh giảm giá nhằm thu hút khách lưu trú; chỉ số giá dịch vụ ăn uống tăng 1,88% do trong các dịp Lễ Tết, đặc biệt dịp nghỉ Lễ 30/4-1/5 dài ngày đúng thời điểm dịch Covid-19 chưa bùng phát nên nhu cầu ăn uống ngoài gia đình tăng.

3. Chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo

Chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo quý II/2021 tăng 0,04% so với quý trước do các cơ sở giáo dục ngoài công lập ở một số địa phương như Bình Dương, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh tăng học phí đào tạo tiếng Anh và lệ phí thi chứng chỉ Toeic. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá giáo dục và đào tạo quý II tăng 3,29%, tính chung 6 tháng đầu năm tăng 3,23%, chủ yếu do thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng học phí các cấp học khi bước vào năm học 2020-2021.

IV. Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất

Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý II/2021 tăng 1,58% so với quý trước và tăng 4,96% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,29% và tăng 7,25%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,56% và tăng 4,84%; dùng cho xây dựng tăng 2,12% và tăng 6,42%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 4,79% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,83%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,97%; dùng cho xây dựng tăng 3,91%.

Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất 6 tháng đầu năm tăng cao chủ yếu do các nhóm nguyên nhiên vật liệu thiết yếu trong sản xuất tăng. Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản phẩm chăn nuôi 6 tháng tăng 15,26% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ tăng 6,85%; sản phẩm hóa chất và phân bón tăng 2,97%; sản phẩm thủy sản nuôi trồng tăng 1,25%. Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo, sản phẩm nguyên liệu chế biến từ dầu mỏ 6 tháng tăng 23,08% so với cùng kỳ năm trước; thức ăn chăn nuôi tăng 11,05%; sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học tăng 10,56%; sản phẩm xây xát và sản xuất bột tăng 4,66%; sản phẩm dệt tăng 3,18%; sản phẩm từ cao su tăng 3,09%. Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho xây dựng, sản phẩm nguyên liệu từ kim loại gang, sắt, thép 6 tháng đầu năm tăng 9,61% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm đá, cát, sỏi, đất sét tăng 5,14%; sản phẩm từ gỗ tăng 3,25%; dịch vụ xây dựng chuyên dụng tăng 1,06%.

V. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu, tỷ giá thương mại hàng hóa

1. Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa quý II/2021 tăng 1,29% so với quý trước và tăng 2,77% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 0,93% và tăng 3,66%; nhóm nhiên liệu tăng 9,5% và tăng 27,29%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,04% và tăng 1,79%. Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 1,22% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 2,1%; nhóm nhiên liệu tăng 1,31%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,09%.

Trong 40 nhóm hàng xuất khẩu chính, 29 nhóm hàng có chỉ số giá 6 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Giá xuất khẩu sắt, thép tăng cao 14,88% (cùng kỳ năm 2020 giảm 4,36%); giá xuất khẩu xăng dầu các loại tăng 6,81% theo giá nhiên liệu thế giới; giá gạo xuất khẩu tăng 10,24%; giá xuất khẩu hàng may mặc tăng 9,23%; giá xuất khẩu phân bón tăng 7,1%. Ở chiều ngược lại, có 9 nhóm hàng có chỉ số giá xuất khẩu 6 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó điện thoại di động và linh kiện giảm 2,52%; dây và cáp điện giảm 0,4%... Hai nhóm hàng hóa chất và thủy tinh, sản phẩm từ thủy tinh giá không biến động.

2. Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa

Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa quý II/2021 tăng 1,3% so với quý trước và tăng 3,28% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 1,9% và tăng 2,85%; nhóm nhiên liệu tăng 5,08% và tăng 31,2%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,09% và tăng 2,12%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa tăng 2,24% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 2,33%; nhóm nhiên liệu tăng 20,95%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,4%.

Trong 42 nhóm hàng nhập khẩu chính, 28 nhóm hàng có chỉ số giá 6 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Giá nhập khẩu xăng dầu các loại tăng 25,11%; giá nhập khẩu khí đốt hóa lỏng tăng 21,35%; giá nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi tăng 8,71%; giá nhập khẩu cao su nguyên liệu tăng 8,69%; sắt thép tăng 7,65%; hóa chất tăng 5,18%... Ở chiều ngược lại, có 14 nhóm hàng có chỉ số giá nhập khẩu 6 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại giảm 2,37%...

3. Tỷ giá thương mại hàng hóa

Tỷ giá thương mại hàng hóa (TOT)⁽⁸⁾ quý II/2021 giảm 0,01% so với quý trước và giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, TOT giảm 0,99% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xăng dầu các loại giảm 14,62%; hóa chất giảm 4,93%; cao su giảm 3,82%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 1,34%; hàng thủy sản giảm 1,06%; hàng rau quả giảm 0,86%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 0,98%; sắt, thép tăng 6,71%.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

⁽⁸⁾ Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa so với chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa.